



THÀNH TỰU MỚI TRONG NGHIÊN CỨU
TIỂU THUYẾT CHỮ HÁN VIỆT NAM CỦA HỌC GIỚI
TRUNG QUỐC NHÌN TỪ CHUYÊN LUẬN *SỰ HÌNH THÀNH VÀ
PHÁT TRIỂN CỦA TIỂU THUYẾT CHỮ HÁN VIỆT NAM:
TỪ THẾ KỶ 14 ĐẾN THẾ KỶ 19*¹

Nguyễn Văn Luân, Lê Thị Hương Liên

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 32 Lê Lợi, TP. Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Luân <nvluan@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 03-12-2024; Ngày chấp nhận đăng: 23-05-2025)

Tóm tắt: Tiểu thuyết chữ Hán là một trong những trọng tâm nghiên cứu của học giới Trung Quốc về văn học Việt Nam. *Sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam: từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 19*² của Lí Chí Phong và Bàng Hi Vân là công trình mới nhất nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam ở cấp độ chuyên luận. Trọng điểm nghiên cứu của công trình này là sự hình thành và diễn biến của thể loại tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam trong quan hệ với văn học cổ đại Trung Quốc. Quan hệ này thể hiện thông qua các phương pháp tiếp nhận bao gồm: kiến tạo (huyền – 幻), trùng cấu (hóa – 化), vay mượn (tá – 借), di thực (đại – 代), dung hợp (nhu – 柔). Chuyên luận không những đã chỉ ra những mối liên hệ chưa từng được phát hiện, mà còn tránh được lỗi mòn quá thiên về khẳng định tính ưu việt của nền văn học Trung Quốc. Chuyên luận hướng vào làm rõ động lực bên trong của các tác giả Việt Nam: nhu cầu sáng tạo nền văn hóa dân tộc. Thành tựu về phương pháp nghiên cứu của chuyên luận ở chỗ: lấy phương pháp khảo chứng làm trung tâm, bao gồm khảo chứng văn hóa, khảo chứng văn bản, ngoài ra còn áp dụng quan điểm biến dị văn hóa. Các phương pháp này giúp cho quan điểm tiếp cận văn học so sánh của chuyên luận trở nên chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Từ khóa: Tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, học giới Trung Quốc, Lí Chí Phong, Bàng Hi Vân

¹ Nghiên cứu này được tài trợ một phần trong khuôn khổ Đề tài cấp Đại học Huế năm 2024, Mã số: DHH2024-03-195.

² Tên gốc: 越南汉文小说的发生与衍变, 14-19 世纪, 广西师范大学出版社, 2023 年.

**NEW ACHIEVEMENTS IN THE STUDY
OF VIETNAMESE TRADITIONAL CHINESE NOVELS BY
CHINESE SCHOLARS: PERSPECTIVES FROM THE
MONOGRAPH "THE EMERGENCE AND EVOLUTION
OF VIETNAMESE TRADITIONAL CHINESE NOVELS,
14TH-19TH CENTURIES"**

Nguyen Van Luan, Le Thi Huong Lien

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue City, Vietnam

Correspondence to **Nguyen Van Luan** <nvluan@hueuni.edu.vn>

(Received: December 03, 2024; Accepted: May 23, 2025)

Abstract: Vietnamese traditional Chinese novels are one of the hotspots in Vietnamese literature research in the Chinese academic community. Li Zhifeng and Pang Xiyun's "The Development of Vietnamese Traditional Chinese Novels in the 14th -19th Centuries" is the latest work on Vietnamese traditional Chinese novels at the level of monographs. This book focuses on studying the emergence and evolution of Vietnamese ancient literature. This relationship is classified as: imagination (幻), repetition (化), borrowing (借), adaptation (代), and fusion (柔). The author not only pointed out some relationships between Chinese and Vietnamese novels that had never been discovered before. At the same time, this monograph also avoids overly asserting Chinese literature's superiority. The author aims to clarify the inherent motivation of Vietnamese writers' creation: the theme of promoting national consciousness. The achievement of the research method in this monograph lies in the author's focus on textual research methods, including cultural textual research, and also uses the perspective of cultural variants. These methods help make this monograph's comparative literature method more rigorous and credible.

Keywords: Vietnamese traditional Chinese novel, Chinese scholars, Li Zhifeng, Pang Xiyun

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, học giới Trung Quốc (đại lục) đặc biệt quan tâm nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Theo chúng tôi, dấu mốc mở đầu cho phong trào nghiên cứu này là từ sau khi bộ *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tập thành* (gồm 20 tập) do Tôn Tồn, Trịnh Khắc

Mạnh, Trần Ích Nguyên chủ biên, Nhà xuất bản Cổ tịch Thượng Hải ấn hành năm 2011³. Mặc dù xuất phát muộn hơn so với học giới Đài Loan, nhưng học giới Trung Quốc đại lục đã nhanh chóng đạt được nhiều thành tựu đáng kể về các mặt chỉnh lý và xuất bản thư tịch, xuất bản công trình nghiên cứu ở các cấp độ: chuyên luận, luận án, luận văn, bài báo trên tạp chí khoa học.

Việc nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam được đặt trong khung cảnh tổng thể của sự phát triển ngành Việt Nam học ở Trung Quốc. Nhìn trong phạm vi rộng hơn, đó còn là nhu cầu nghiên cứu các vấn đề lịch sử, văn hóa của các quốc gia xung quanh nhằm quay trở lại nhận thức về nền văn hóa, văn học của chính mình trong học giới Trung Quốc. Hạ Lộ (Đại học Bắc Kinh) nhận định: “Những thành tựu này không chỉ làm sâu sắc thêm sự hiểu biết về văn học Việt Nam trong giới học thuật Trung Quốc, mà còn phản ánh các khía cạnh khác của văn học Trung Quốc như một tấm gương...” (Lộ & Tâm, 2019, Tr. 324).

Thành tựu mới nhất của học giới Trung Quốc về tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam xét ở cấp độ chuyên luận (专著) là công trình của hai học giả Lí Chí Phong (李志峰) và Bàng Hi Vân (庞希云). Cuốn sách có tựa đề là *Sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam: từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 19*, nhà xuất bản Đại học sư phạm Quảng Tây ấn hành vào tháng 3 năm 2023.

2. Nội dung

2.1. Góc nhìn mới về sự hình thành và phát triển tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam

Chủ đề nghiên cứu của chuyên luận *Sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam: từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 19* là vấn đề “phát sinh và phát triển” (发生与衍变) của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Đây không phải là hướng nghiên cứu hoàn toàn mới lạ, nhưng đáng chú ý ở chỗ, cùng một hướng đi nhưng chuyên luận trình bày một quan niệm hoàn toàn khác biệt so với các nhà nghiên cứu trước đó ở Trung Quốc và Việt Nam. Quan điểm phổ biến hiện nay của các nhà nghiên cứu Việt Nam là xem sự phát sinh của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam gắn liền với các vấn đề lịch sử Việt Nam. Sự “diễn biến” đồng nghĩa với các chặng đường phát triển của thể loại, khung thời gian gắn với các giai đoạn lịch sử Việt Nam. Chẳng hạn, Nguyễn Đăng Na trong bài “Truyện ngắn trong sự phát triển của văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại” nhận định: “Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại cũng vậy, vừa phản ánh trình độ tư duy nghệ thuật của người Việt Nam thời trung đại, vừa phản ánh quá trình lịch sử của văn học dân tộc” (Na, 2006, Tr. 341). Các nhà nghiên cứu khác như Đoàn Lê Giang, Nguyễn Phong Nam, Đinh Phan Cẩm Vân cũng có quan điểm tương tự. Các học giả Trung Quốc, tiêu biểu như Lí Thời Nhân (李时人), Chu Khiết (朱洁), Nhậm Minh Hoa (任明华), gặp nhau ở quan điểm: nghiên cứu phương diện ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Nói cách khác, các nhà nghiên cứu này thuần túy chọn điểm nhìn từ bên ngoài để lí giải tác phẩm Việt

³ Tên gốc: 越南汉文小说集成, 上海古籍出版社, 2010 年.

Nam. Chẳng hạn, Chu Khiết trong chuyên luận *Nho gia thị vực trung Việt Nam Hán văn tiểu thuyết nghiên cứu* (儒家视阈中的越南汉文小说研究) đặt trọng tâm vào việc giải đọc các phương diện tư tưởng Nho giáo trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, phát hiện sự ảnh hưởng sâu sắc của Nho gia đối với tiểu thuyết chữ Hán, từ đó quán chiếu đặc điểm của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Do thiếu cái nhìn nội tại, các luận giải của tác giả thiếu đi sự thấu đáo và mới mẻ.

Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân đã phát triển quan điểm nghiên cứu của học giới Trung Quốc thêm một bước. Quan điểm của họ dù vẫn tiếp cận vấn đề ở phương diện xem xét sự hình thành và phát triển của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam trong mối quan hệ với tiểu thuyết cổ đại Trung Quốc, song các tác giả đã tiến hành lí giải quan hệ này từ bên trong: nhu cầu văn hóa nội tại của dân tộc Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Các tác giả đã dựa trên lí luận về biến dị văn hóa (trong đó có văn học) để khảo sát tiếp xúc tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với văn học Trung Quốc như một hiện tượng tiêu biểu. Mối quan hệ này được họ quy thành sáu phương diện và triển khai thành sáu chương sách, đó là: tường tượng, trùng cấu, vay mượn, di thực, dung hợp. Như vậy, quan niệm về sự “phát sinh và phát triển” ở đây không được hiểu như là một quan điểm phân kì, mà là sự kiến tạo và vận động để hình thành diện mạo của thể loại.

Có thể thấy, nếu phần lớn các nghiên cứu đã có xuất phát từ các yếu tố ngoại tại (lịch sử, văn hóa, chính trị) để vạch ra sự hình thành và diễn biến của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, thì Lí Chí Phong, Bàn Hi Vân đã xuất phát từ từng trường hợp tác phẩm để chỉ ra sự hình thành của thể loại. Quan điểm này khiến thể loại tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam được nghiên cứu từ chính đặc điểm thể loại – yếu tố nội tại, chứ không phải từ các yếu tố khác. Mặt khác, các tác giả xuất phát từ một đặc trưng của thời trung đại là mối quan hệ lâu đời trong cộng đồng văn hóa chữ Hán để xác định mức độ ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đến sự hình thành thể loại tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam.

2.2. Những phát hiện mới về quan hệ giữa tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với tiểu thuyết cổ đại Trung Quốc

Cấu trúc chuyên luận của Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân gồm phần “Tự luận” (Phần mở đầu), Kết luận và 6 chương. Chương 1 bàn về sự “kiến tạo” (建构) dựa trên sự ghi chép của thư tịch Trung Quốc xuất phát từ nhu cầu kiến tạo truyền thống. Chương 2 bàn về sự “trùng cấu” (化) theo cách chuyển hóa các ghi chép trong thư tịch Trung Quốc nhằm tạo ra chỉnh thể mới. Chương 3 bàn về tiểu thuyết chương hồi Việt Nam, quan điểm xuyên suốt là coi tác giả Việt Nam đã viết lịch sử dân tộc dựa trên vay mượn mô thức của lịch sử diễn nghĩa Trung Quốc. Chương 4 nghiên cứu sự chuyển dịch chỉnh thể, thay thế trường hợp cá biệt. Chương 5 khảo sát tính chất hòa trộn giữa truyện kể tại Trung Quốc với câu chuyện lưu truyền tại Việt Nam. Chương 6 phân tích ngữ cảnh văn hóa của sự hình thành và diễn tiến của tiểu thuyết chữ Hán

Việt Nam. Tổng hợp các nguồn thư tịch được nghiên cứu đối sánh, chúng tôi thống kê thành bảng dưới đây.

Bảng đối sánh trường hợp tác phẩm tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam được phân tích trong mối quan hệ với văn học Trung Quốc

STT	Tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam	Tác phẩm văn học cổ đại Trung Quốc	Phương thức tiếp nhận
1	<i>Long đình đôi tưng lục</i>	<i>Thủy cung khánh hội lục, Liễu Thị truyện, Liễu Nghị truyện</i>	Từ hai hoặc ba truyện hợp thành một truyện
2	<i>Thúy Tiêu truyện</i>	<i>Thúy Thúy truyện, Côn Lôn nô</i>	
3	<i>Tản Viên từ phán sự lục</i>	<i>Lệnh Hồ sinh mặc mộng lục, Thủy Châu dã miếu kí, Tu Văn Xá Nhân truyện</i>	Từ một truyện được tiếp nhận thành ba truyện
4	<i>Kim ngư truyện</i>	<i>Ngư hóa thành, Giao Châu ngoại vực kí</i>	
5	<i>Mộc miên thụ truyện, Đào thị nghiệp oan kí, Xương Giang yêu quái lục</i>	<i>Mẫu đơn đăng kí</i>	
6	<i>Đông Hoa môn cổ miếu</i>	<i>Mạnh Khương nữ khóc Trường Thành</i>	
7	<i>Mán tử</i>	<i>Thường Nga bên nguyệt</i>	Tiếp nhận một truyện để tạo thành một truyện
8	<i>Kim Tông thủy thần kí</i>	<i>Vĩ Tú Trang</i>	
9	<i>Vô đầu giai</i>	<i>Thương Ngô Giả Ung</i>	
10	<i>Sơn động</i>	<i>Đào hoa nguyên kí</i>	
11	<i>Khoái Châu nghĩa phụ truyện</i>	<i>Ái Khanh truyện</i>	
12	<i>Hoa viên kì ngộ tập</i>	<i>Tâm phương nhĩ tập</i>	
13	<i>Ma Cô sơn</i>	<i>Ma Cô</i>	
14	<i>Trạng nguyên Giáp Hải truyện</i>	<i>Bạch thủy tố nữ</i>	

15	<i>Trạng nguyên Giáp Hải truyện</i>	<i>Giáp trạng nguyên</i>	Tiếp nhận và dung hợp với truyện kể bản địa
16	<i>Việt tỉnh truyện</i>	<i>Thôi Vĩ</i>	
17	<i>Hoàng Việt xuân thu</i>	<i>Tam quốc diễn nghĩa</i>	Tiếp nhận mô thức truyện

Bảng đối sánh trên cho thấy, tác giả chuyên luận đã tiến hành nghiên cứu tiếp nối về một số cặp quan hệ đã được giới nghiên cứu đề cập từ trước đó là: *Mộc miên thụ truyện*, *Đào thị nghiệp oan kị*, *Xương Giang yêu quái lục* trong quan hệ với *Mẫu đơn đăng kị*; *Thúy Tiêu truyện* so với *Thúy Thúy truyện*, *Khoái Châu nghĩa phụ truyện* so với *Ái Khanh truyện*; *Hoàng Việt xuân thu* so với *Tam quốc diễn nghĩa*; *Tản Viên từ phán sự lục* so với *Lệnh Hồ sinh mặc mộng lục*, *Thủy Châu dã miêu kị*, *Tu Văn Xá Nhân truyện*. Ngoài ra, các cặp quan hệ khác được nghiên cứu trong chuyên luận đều là những phát hiện mới của tác giả.

Khảo sát của các tác giả trong các cặp quan hệ trên có tác dụng xác định cội nguồn của một số tác phẩm chữ Hán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đó có thể được phân loại thành hai dạng bao gồm: xác lập cội nguồn văn hóa và xác lập cội nguồn cốt truyện. Phương diện thứ nhất thể hiện ở trường hợp truyện kể về Lí Ông Trọng. Các nhà nghiên cứu Việt Nam trước đây thống nhất cho rằng Lí Ông Trọng là một vị thần bản địa Việt. Lê Thời Tân và Bùi Ngọc Kính, trong bài viết “Giáo dục văn hóa tâm linh – đọc lại tự sự di tích văn hóa quốc gia Đền Chèm ở Từ Liêm (Hà Nội)”⁴ cho rằng truyền thuyết Lí Ông Trọng là “truyền thuyết bản địa”: “Đọc kĩ đoạn trần thuật thiên Lý Ông Trọng dẫn trên từ VDULT⁵, ta hoàn toàn có quyền phỏng đoán Triệu Xương dường như đã bị ám ảnh bởi truyền thuyết bản địa” (Tân & Kính, đang in, Tr. 7). Phương diện thứ hai thể hiện ở việc khảo sát cội nguồn cốt truyện. Phương diện khảo sát này bao gồm các trường hợp còn lại trong bảng liệt kê ở trên. Trong đó, quan hệ giữa *Hoa viên kì ngộ kị* với *Tâm phương nhĩ tập*, *Ma Cô sơn* với *Ma Cô* có tính tiêu biểu. Trong hai trường hợp này, tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam đã gần như dịch chuyển cốt truyện từ truyện kể Trung Quốc.

Kết quả nghiên cứu ở nhóm tác phẩm thứ nhất đưa đến nhận thức mới về sự hình thành một số hiện tượng văn hóa trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Mặc dù đối tượng tư liệu được khảo sát không hẳn mới, song tác giả đã thu thập một lượng tư liệu liên quan rất phong phú, từ đó xác lập lịch sử của mối liên hệ một cách rõ ràng hơn bất cứ nhà nghiên cứu nào trước đó. Phần nghiên cứu của tác giả về nhân vật Lí Ông Trọng là ví dụ điển hình. Nhân vật này được ghi chép trong các sách *Việt điện u linh tập* và *Lĩnh Nam chích quái* của Việt Nam. Tác giả cho rằng, Lí Ông Trọng có nguồn gốc từ ghi chép của thư tịch Trung Quốc. Trước thời Tống, nhân

⁴ Bài viết tham dự Hội thảo khoa học quốc tế Văn hóa và Giáo dục (ICCE), lần thứ 4 (năm 2023) tại Trường Đại học sư phạm Huế, Nxb Đại học Huế, 2024.

⁵ Trong nguyên văn, tác giả viết tắt “Việt điện u linh tập” thành “VDULT”.

vật Ông Trọng đều là các bức tượng người bằng vàng, bằng đồng hay bằng đá, trong đó loại tượng đồng và loại tượng đá là chủ yếu. Sau đó, hình tượng này được truyền vào Việt Nam, thông qua trùng cấu mà thành Lí Ông Trọng. Nhân vật họ Lí này lại truyền ngược vào đất Trung Hoa trong thời Minh – Thanh, tạo ra hình tượng Nguyễn Ông Trọng. Khoảng năm Thiên Thuận đời Minh (1457-1464), nhóm Lí Hiền, Bành Thì vâng mệnh hoàng đế nhà Minh, soạn sách *Minh nhất thống chí*. Quyển 90 của sách *Minh nhất thống chí* có chép về nhân vật Nguyễn Ông Trọng. Năm thứ 23 đời Vạn Lịch nhà Minh (1595), Bành Đại Dực trong mục “Thần kì, vi Tần tướng binh” (神祈为秦将兵) sách *Sơn đường tứ khảo* (山堂肆考) cũng ghi chép tương tự như trong *Minh nhất thống chí* (Zhifeng & Xiyun, 2023, Tr. 58-66). Trường hợp Lí Ông Trọng cũng là nghiên cứu cội nguồn văn hóa của hình tượng văn học trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam.

Những nghiên cứu về nhóm tác phẩm có quan hệ về cốt truyện có những trường hợp là sự phát hiện hoàn toàn mới của tác giả, bao gồm: *Thủy Tiêu truyện – Côn Lôn nô; Đông Hoa môn cổ miếu – Mạnh Khương nữ khóc Trường Thành; Mán tử – Thường Nga bên nguyệt; Kim Tông thủy thần kí – Vĩ Tú Trang; Vô đầu giai – Thương Ngô Cổ Ung; Sơn động – Đào hoa nguyên kí; Kim ngư truyện – Ngư hóa thành, Giao Châu ngoại vực kí; Việt tỉnh truyện – Thôi Vĩ; Ma Cô sơn – Ma Cô; Trạng nguyên Giáp Hải truyện – Bạch thủy tố nữ*. Chúng tôi lấy trường hợp *Việt tỉnh truyện* trong sách *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* làm ví dụ tiêu biểu. Cội nguồn Trung Hoa của *Việt tỉnh truyện* đã được các nhà nghiên cứu Việt Nam là Lê Quý Đôn, Lê Hữu Mục, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San xác nhận. Song, Lí Chí Phong, Bàng Hi Vân là những người đầu tiên phân tích thấu đáo mối liên hệ giữa *Việt tỉnh truyện* với một truyện truyền kì đời Đường có tên *Thôi Vĩ*. Tác giả nhận định: cách thức tác giả Việt Nam tiến hành bản địa hóa *Thôi Vĩ* đó là đổi tên thần Độc Cuốc thành thần Xương Cuồng để thể hiện xu hướng trùng cấu truyện kể dựa trên tín ngưỡng bản địa. Kết quả nghiên cứu của chuyên luận đưa đến nhận thức rằng: không chỉ sử thư, các truyện kể hư cấu trong văn học cổ đại Trung Quốc là nguồn “nguyên liệu” rộng lớn được các nhà viết tiểu thuyết chữ Hán ở Việt Nam khai thác. Các nhà văn Việt Nam xuất phát từ mục đích giải thích văn hóa và lịch sử cộng đồng Việt, thông qua các phương thức khác nhau đã xử lý các câu chuyện có nguồn gốc Trung Quốc, biến chúng thành các truyện kể mang màu sắc Việt Nam.

2.3. Những thành tựu về phương pháp nghiên cứu

2.3.1. So sánh văn học dựa trên khảo chứng thư tịch

Tác giả tiếp cận đối tượng nghiên cứu trên quan điểm so sánh văn học. Họ đã tiến hành khảo chứng hệ thống các thư tịch hữu quan của cả Trung Quốc và Việt Nam, lấy đó làm cơ sở quan trọng nhất để lí giải mối quan hệ giữa các câu chuyện, truyện kể và nhân vật trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với văn học Trung Quốc (phần lớn là thể loại tiểu thuyết). Hệ thống thư tịch được khảo sát gồm: thời Hán có *Hoài Nam tử, Sử ký, Hán Thư*; thời Minh – Thanh có: *Cổ kim đồ thư tập thành, Tứ khố toàn thư, Thiên Kỉ sự* trong sách *Học hạnh điển*, phần *Liệt truyện* sách

Thị tộc điển, Nghĩa môn độc thư kí, Quân thành thạch kí, Vạn tính thống phổ, Thiên trung kí, Thuyết lược, Đại Thanh nhất thống chí.

Phương pháp khảo chứng giúp tác giả phát hiện những hiện tượng và mối liên hệ mới của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với tiểu thuyết cổ đại Trung Quốc. Thông qua chuyên luận này, lần đầu tiên độc giả được biết đến Ông Trọng vốn là tên gọi chung của những bức tượng. Thạch tượng ông Trọng chỉ xuất hiện sau đời Đông Hán, thường đặt ở hai bên lăng mộ. *Hoài Nam tử* chép về kim tượng, *Hậu Hán thư* chép về thạch tượng. Cả hai thư tịch này đều chép về tượng Ông Trọng, có ý chỉ là một vị quý thần, chứa đựng may mắn. Và, chỉ đến đời Minh, sự ghi chép về nhân vật Nguyễn Ông Trọng (阮翁仲) với tư cách là một người cụ thể lần đầu tiên xuất hiện trong thư tịch Trung Quốc. Đồng thời, thông qua chuyên luận, độc giả biết đến quan điểm: các thư tịch thời Minh lần đầu nói rằng Nguyễn Ông Trọng là người (gốc) An Nam (“An Nam nhân”). Các sách đời Thanh cũng đều theo đó mà nhắc lại.

Lí Chí Phong và Bàng Hi Vân cũng khảo sát các thư tịch của Việt Nam là *Việt điện u linh tập* (tập lục và toàn biên), *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*, *Thiên Nam vân lục*, *Nam quốc dị nhân sự tích lục*, *Nhân vật chí*, *Mẫn Hiên thuyết loại*. Các tác giả phân các tư liệu trên thành ba nhóm: *Việt điện u linh tập lục toàn biên*, *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện*, *Nhân vật chí*. Các tác giả nhận xét: nhân vật Ông Trọng trong các thư tịch của Việt Nam là một con người cụ thể và ghi chép tỉ mỉ hơn so với thư tịch Trung Quốc. Về thời gian xuất hiện của các nhân vật theo tuần tự sẽ là: Ông Trọng (翁仲), Lí Ông Trọng (李翁仲), Nguyễn Ông Trọng (阮翁仲).

Từ kết quả khảo chứng, các tác giả lập “sơ đồ” mối quan hệ giữa nhân vật Ông Trọng của Việt Nam với các ghi chép trong thư tịch Trung Quốc: khởi phát của Lí Ông Trọng là các tượng đồng, tượng vàng, tượng đá được gọi tên là Ông Trọng (niên đại: trước thời Tống). Khi chuyển dịch đến Việt Nam: Ông Trọng biến dị thành Lí Ông Trọng (*Việt điện u linh tập*). Sau đó, từ thư tịch thời Lí – Trần của Việt Nam chuyển nhập đến thư tịch Trung Quốc thời Minh Thanh, Lí Ông Trọng biến thành Nguyễn Ông Trọng.

2.3.2. So sánh biến dị văn hóa, văn học

“Biến dị học văn học so sánh” (the variation of comparative literature) (比较文学变异学) cũng là phương pháp nghiên cứu thuộc ngành văn học so sánh. Phương pháp này rất phổ biến ở Trung Quốc hiện nay. Giáo sư Nghiêm Thiệu Đăng (严绍璁) (Đại học Phục Đán) cho rằng: “Khái niệm “văn học biến dị thể” là lĩnh vực cơ bản của nghiên cứu phát sinh học. Trên lập trường phát sinh học để khảo sát văn bản văn học, có thể nói, trong “xã hội văn minh” ngày nay, phần lớn văn bản đều là một dạng biến dị thể” (Yanshao, 2011, Tr. 51). Công trình của Lí Chí Phong và Bàng Hi Vân đã dùng quan điểm trên để khảo sát xuyên suốt các trường hợp tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Trường hợp truyện về Lí Ông Trọng, tác giả luận giải nguyên do văn hóa hình thành nhân vật Lí Ông Trọng ở Việt Nam. Đúng trên quan điểm của lí thuyết so sánh biến dị học, các tác giả nhận định: “Quan hệ giữa Ông Trọng, Lí Ông Trọng, Nguyễn Ông

Trọng cho thấy chúng ta không chỉ nhận ra mối quan hệ ảnh hưởng qua lại về văn hóa, văn học giữa hai nước Việt – Trung mà còn thấy một ví dụ điển hình về biến dị văn bản trong quá trình dịch chuyển văn hóa. Từ dân tộc này đến dân tộc khác không đơn giản chỉ là quá trình phục chế. Trường hợp Ông Trọng, vốn là một vật, thông qua sự tưởng tượng, trùng cấu trở thành một thể biến dị mới” (Zhifeng & Xiyun, 2023, Tr. 83). Sự trùng cấu (重构) hướng đến sự kiến tạo nên truyền thống văn hóa và xây dựng niềm tự hào của cộng đồng: “Truyện về Lí Ông Trọng xuất hiện sớm nhất trong *Việt điện u linh tập* và *Lĩnh Nam chích quái* có thời gian biên soạn chủ yếu vào thời Lí, Trần. Đương thời, Việt Nam củng cố nền độc lập, ý thức dân tộc ngày một mạnh mẽ. Việt Nam không chỉ muốn có nền độc lập đầy đủ về kinh tế, chính trị, mà còn muốn từng bước kiến lập nên truyền thống văn hóa độc lập từ văn hóa Hán” (Zhifeng & Xiyun, 2023, Tr. 79). Trong thời kì này, người Việt Nam xuất phát từ logic văn hóa “vi ngã sở dụng” (為我所用) (tri thức được sử dụng theo nhu cầu nội tại) đã cố ý “giải thích khác nguyên bản” trong cổ tịch Trung Quốc về trường hợp Lí Ông Trọng. Từ một nhân vật mang niềm tin về sự may mắn, thông qua trí tưởng tượng phong phú, nhà văn Việt Nam đã sáng tạo nên nhân vật truyền kì Lí Ông Trọng, đồng thời tạo ra truyền thuyết “Lí Ông Trọng diệt Hung Nô”, đó là khả năng cực lớn. Trường hợp truyện về nhân vật trạng nguyên Giáp Hải là một ví dụ khác. Các tác giả cho rằng, *Trạng nguyên Giáp Hải truyện* trong các tập *Đại Nam hiển ứng truyện*, *Thánh văn dị lục* tiếp nhận tình tiết và nội dung chủ đạo từ truyện *Bạch thủy tố nữ* trong tập *Sưu thần kí*. Tuy nhiên, đến thế kỷ 19, truyện *Giáp trạng nguyên* trong tập *Nam thiên trân dị tập* tuy tiếp nhận trực tiếp từ *Trạng nguyên Giáp Hải truyện* nhưng nhiều tình tiết đã biến đổi. Sự “biến dị” này do đặc điểm lịch sử Việt Nam: *Giáp trạng nguyên* ra đời sau khi Pháp xâm lược Việt Nam, giai đoạn Hán học suy vi, do đó, nhân tố văn hóa Hán đã trở nên mờ nhạt⁶.

Nguyên nhân của sự “biến dị” trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam được lí giải là ý thức kiến tạo nên truyền thống văn hóa của cộng đồng. Các tác giả nhấn mạnh rằng đó không phải là một sự chuyển biến thông thường. Nó xuất phát từ nhu cầu tái kiến tạo văn hóa bản địa. Ngữ cảnh của sự sinh thành văn bản, sự tưởng tượng và tái kiến tạo này phản ánh nền văn hóa ở thế yếu khi đứng trước nền văn hóa ở thế mạnh hơn muốn thông qua sự tiêu giải đối phương hoặc đề cao chính mình để thể hiện sự mạnh mẽ. Theo đó, cùng với nền văn hóa mạnh mâu thuẫn hoặc dung hợp, trong đó bao gồm trạng thái sinh tồn, hình thái tâm lý, giá trị luân lí,... Đồng thời, vì được biểu hiện trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt, nên các nhà sáng tác bản địa đã thể hiện một hình thái nhận thức đặc biệt – tiến hành diễn giải lại vấn đề đã có, đối với nền văn hóa khác, bao gồm năng lực nhận thức, con đường nhận thức và tâm lý nhận thức, qua đó phản ánh quá trình hình thành của ý thức chủ thể dân tộc Việt Nam.

⁶ 李志峰, 庞希云, 越南汉文小说的发生与衍变, 14-19 世纪, 广西师范大学出版社, 广西, 2023 年, trang 201.

2.3.3. Khảo cứu ngữ cảnh văn hóa: cội nguồn của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam

Xuất phát từ quan điểm ngữ cảnh văn hóa (cultural context) của Nghiêm Thiệu Đăng: “Ngữ cảnh văn hóa là cội nguồn của sự sinh thành văn bản văn học”⁷, Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân đã khảo sát ngữ cảnh văn hóa của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Khác với quan điểm của một số học giả Việt Nam, chẳng hạn như quan điểm của giáo sư Nguyễn Đăng Na mà chúng tôi đã đề cập, “ngữ cảnh văn hóa” ở đây được hiểu là trong một nền tảng văn hóa chung nhất định, tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam và tiểu thuyết Trung Quốc đương nhiên tồn tại mối liên hệ có thể kiểm chứng bằng thư tịch. Ngữ cảnh đó bao gồm sự truyền nhập Việt Nam của thư tịch Trung Quốc, vai trò môi giới văn hóa của các sứ thần Việt Nam thời trung đại và sự dung hợp của văn hóa bản địa với văn hóa Hán.

Ngữ cảnh văn hóa tạo nên hình thái nhận thức của chủ thể sáng tạo. Tác giả khảo sát vấn đề: vào thời cổ – trung đại, nhà văn Việt Nam nhận thức ra sao về văn hóa Hán. Lấy việc phân tích hình tượng rồng trong văn học Trung Quốc cổ đại và tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam làm trường hợp điển hình, tác giả chứng minh hình thái nhận thức của tác giả Việt Nam đã quyết định đến đặc điểm của hình tượng này trong tiểu thuyết chữ Hán. Cụ thể, rồng trong văn học cổ đại Trung Quốc có ba đặc điểm: thứ nhất, rồng được coi là vật tổ của cư dân Hoa Hạ; thứ hai, rồng là vật có sức mạnh to lớn; thứ ba, rồng có đặc tính biến hóa khôn lường. Cả ba đặc điểm này đều thấy ở rồng trong các tiểu thuyết chữ Hán của Việt Nam. Điều đó cho thấy có sự tương đồng về hình thái và phẩm tính của loại nhân vật này trong các diễn ngôn văn học ở hai quốc gia thời cổ – trung đại. Thông qua phân tích hình tượng rồng, tác giả khẳng định về thái độ thừa nhận văn hóa Hán (“nhận đồng văn hóa” – 认同文化) của nhà văn Việt Nam trong khi họ vẫn mang tinh thần dân tộc sâu sắc.

3. Đánh giá về chuyên luận của Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân

3.1. Đánh giá tổng thể về thành tựu của chuyên luận

Thứ nhất, chuyên luận vận dụng phương pháp đa dạng. Những phương pháp này giúp cho kết quả nghiên cứu của tác giả có thể kiểm chứng được. So với các nghiên cứu trước đó của học giới Trung Quốc về tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, công trình của Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân có bước tiến mới về phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu của học giới Trung Quốc về tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam rất phong phú. Thống kê sơ bộ của Hạ Lộ trong một bài viết công bố năm 2019 cho biết: “Có gần 50 luận án thạc sĩ, tiến sĩ liên quan” (Lộ, 2019, Tr. 327) tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Theo quan sát của chúng tôi, số lượng bài báo có đến vài chục, còn số chuyên luận cũng trên dưới mười công trình. Trong số này, một số chuyên luận được học giới quan tâm như chuyên luận của Nhậm

⁷ Nguyên văn: “文化语境是文学文本生成的本源”.

Minh Hoa, Chu Khiết, La Trường Sơn,... Hạn chế chung của các nghiên cứu trên ở chỗ: các công trình này thuần túy đứng ở điểm nhìn từ bên ngoài trong khi khảo sát, vì thế kết quả luận giải về tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam thiếu tính toàn diện. Chẳng hạn, luận án của Chu Khiết có tên *Nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam trong phạm vi tri thức tư tưởng Nho gia*⁸. Trong công trình này, Chu Khiết trình bày những phạm trù tư tưởng Nho gia trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Cách tiếp cận của tác giả là tìm kiếm sự ảnh hưởng từ tư tưởng Trung Quốc truyền thống (Nho gia) đến tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Hướng nghiên cứu này hợp lý về học thuật, song cũng đặt nhà nghiên cứu trước nguy cơ phiến diện dân tộc. Chu Khiết đã không vượt qua được thách thức này. Trong Chương 7 của luận án *Khác biệt Hoa – Di và vấn đề quan niệm dân tộc trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*⁹, tác giả đã lí giải tư tưởng Hoa – Di ở triều Nguyễn (Việt Nam) như một biểu hiện của tinh thần dân tộc thuần túy. Tác giả dẫn *Đại Nam thực lục Chính biên đệ nhị kỷ (Thánh Tổ thực lục, Quyển 26)*, hoàng đế Minh Mệnh nói: “夫, 满夷也” (Phiên âm: “phù, Mãn di dã”. Dịch nghĩa: người Mãn là giống man di vậy) (Khiết, 2019, Tr. 150). Tác giả bình luận: “Đối với văn hóa mẫu quốc còn tỏ ra kiêu ngạo, ngang tàng như vậy¹⁰, huống hồ với các dân tộc nhỏ yếu khác”¹¹ (Khiết, 2019, Tr. 150). Bình luận này cho thấy, Chu Khiết đã không hiểu đúng dụng ý của Minh Mệnh. Minh Mệnh thực chất muốn đề cao văn hóa Trung Hoa. Đồng thời, ông cũng hàm ý triều Nguyễn là triều kế tục được triều thống của văn hóa tộc Hán. Vua Minh Mệnh hẳn không biết có một quốc gia nào vào thời ấy được gọi là “Trung Quốc”! Quan điểm dân tộc đã thúc đẩy Chu Khiết dùng cái nhìn hiện đại quy chụp quá khứ, từ đó đưa ra bình luận có tính thiên kiến. Một công trình đáng chú ý khác là luận án tiến sĩ của Chu Lực có tên *Ý thức dân tộc và tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*¹² mặc dù mang đến cách thức luận giải đáng tin cậy về việc người Việt Nam thông qua các truyện kể hư cấu thể hiện ý thức kiến tạo văn hóa trong thời kì đầu độc lập (thời Trần), song luận án này chọn lựa phạm vi tư liệu khảo sát tương đối hẹp, đó là hai tác phẩm tản văn *Việt điện u linh tập* và *Lĩnh Nam chích quái*. Vì thế, thành quả của công trình chỉ đủ phản ánh ý thức văn hóa trong thời kỳ nhà Trần. Giai đoạn lịch sử dài sau thời Trần vẫn còn để trống.

Thứ hai, về khung lí luận của chuyên luận, nghiên cứu của Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân triển khai trong một khung lí luận có chiều sâu, đồng thời diện tác phẩm được khảo sát cũng lớn hơn các công trình đã có. Khác với Chu Khiết, Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân chọn điểm nhìn từ phía người sáng tạo để lí giải vấn đề tiếp nhận văn học Trung Quốc trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Điều này giúp cho cách luận giải của các tác giả thỏa đáng hơn. Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân lí giải nhu cầu kiến tạo truyền thống văn hóa của tác giả *Việt điện u linh tập*. Tác giả

⁸ Tên gốc: 儒家视阈中的越南汉文小说, 上海师范大学出版社, 上海, 2013 年.

⁹ Tên gốc: 华夷有别与越南汉文小说的民族观念, 上海师范大学博士论文, 上海, 2013 年.

¹⁰ Trong nguyên văn, tác giả dùng chữ “骄横”, tức là “kiêu ngạo; ngang tàng”.

¹¹ Nguyên văn: “对于文化母国—中国的态度都如此骄横, 更遑论其他弱小民族, 这都是越南民族长期接受儒家华夷观念影响的结果”.

¹² Tên gốc: 民族意识与越南汉文小说, 华中师范大学博士论文, 武汉, 2016 年.

đã không coi sự ảnh hưởng đó như là một thành quả của nền văn minh Trung Hoa ưu việt. Hơn nữa, Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân không nhìn nhận sự kiến tạo văn hóa dân tộc trong ý đồ sáng tạo của Lí Tế Xuyên như một biểu hiện của sự tách ra để tỏ vẻ ưu việt trước Trung Hoa. Tác giả nhìn rộng hơn, xem sự tiếp nhận các truyện kể Trung Hoa trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam là một quy luật của sự tiếp xúc văn hóa nói chung. Từ góc độ thể loại sử, chuyên luận này đề cập đến hầu hết các giai đoạn phát triển của thể loại, khảo sát hệ thống tác phẩm ra đời trong khoảng thời gian bao trùm từ thời Trần đến Lê trung hưng. Các tác phẩm đời Trần gồm: *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam chích quái*, tác phẩm đời Lê sơ có *Thánh Tông di thảo*, tác phẩm từ thời Mạc đến Lê trung hưng gồm *Truyền kì mạn lục*, *Sơn cư tạp thuật*. Vì vậy, nghiên cứu này vừa bao quát được thể loại sử, vừa đạt đến mức độ khách quan mà các công trình trước đó còn thiếu hụt.

3.2. Hạn chế của chuyên luận

Cũng như các học giả Trung Quốc hiện đại khác, Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân cũng nỗ lực chứng minh rằng: sự tồn tại mối quan hệ trực tiếp của đa số các tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với các tác phẩm văn học, phần lớn trong số đó là tiểu thuyết cổ đại Trung Quốc là đương nhiên. Trong một số trường hợp, mối quan hệ này đã được học giới Việt Nam thừa nhận rộng rãi, chẳng hạn như một số truyện kể trong *Truyền kì mạn lục* với *Tiến dâng tân thoại*, *Hồng Bàng thị truyện* với một số tiểu thuyết đời Đường, *Truyện kí trích lục* với *Liêu trai chí dị* và *Hậu Liêu trai chí dị*. Nhưng, ở một số trường hợp, mối quan hệ này vẫn còn gây ra tranh luận trong học giới. Chẳng hạn, như mối quan hệ giữa truyện kể Lí Ông Trọng với các pho tượng Ông Trọng trước thời Tống, mối quan hệ giữa *Man tử* và *Thường Nga hôn nguyệt*, mối quan hệ giữa *Vô đầu giai* với *Thương Ngô Giả Ung*. Chúng tôi cho rằng, không có bằng chứng rõ ràng về sự tồn tại của quan hệ trực tiếp giữa các trường hợp trên. Sự trùng hợp ở đây không phải do sự tiếp xúc trực tiếp giữa nhà văn Việt Nam với văn bản Trung Hoa, mà là sự ghi chép ngẫu nhiên các truyền thuyết được lưu truyền lâu đời trong một không gian văn hóa rộng lớn là vùng Lĩnh Nam. Truyền thuyết Lí Ông Trọng vốn được lưu truyền rộng rãi trong giai đoạn Bắc thuộc. Câu chuyện là di sản chung của vùng đất mà người Việt Nam bị chiếm đóng. Tóm lại, những trường hợp không có sự tiếp xúc trực tiếp về mặt văn bản và không được minh chứng bằng cách khảo cứu văn bản hẳn nhiên không đủ cơ sở để kết luận về cội nguồn ảnh hưởng.

Hạn chế về mặt kết cấu nội dung trong chuyên luận của Lí Chí Phong và Bàn Hi Vân thể hiện ở tiết 3 thuộc Chương 6. Trong chương này, tác giả phân tích ngữ cảnh văn hóa như là cơ sở cho sự hình thành tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Ngữ cảnh đó là sự giao lưu văn hóa giữa hai nước Trung Quốc – Việt Nam thông qua hoạt động sứ tiết và truyền nhập thư tịch Trung Quốc vào Việt Nam trong suốt thời trung đại. Để minh chứng cho ngữ cảnh văn hóa này, các tác giả chọn lựa phân tích sự tương đồng giữa hình tượng rồng trong văn hóa Trung Quốc và trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Các tác giả kết luận: các đặc tính và hình thái của rồng trong tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam về cơ bản tương đồng với hình tượng rồng trong văn hóa

Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng, minh chứng này không giúp ích được nhiều trong việc làm sáng tỏ “ngữ cảnh văn hóa” của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam. Lí do là hình tượng rồng không tiêu biểu cho *thể loại* tiểu thuyết chữ Hán ở Việt Nam. Các tác giả có lẽ cần nhiều nỗ lực hơn để hoàn thiện việc tái dựng một ngữ cảnh văn hóa cho tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam.

4. Kết luận

Việt Nam Hán văn tiểu thuyết đích phát sinh dữ diễn biến, 14 -19 thế kỷ của Lí Chí Phong và Bàng Hi Vân là thành tựu mới nhất của học giới Trung Quốc nghiên cứu về tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam ở cấp độ chuyên luận. Kết quả nghiên cứu của chuyên luận giúp mở rộng phạm vi tri thức về mối quan hệ giữa tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam với văn học Trung Quốc. Mặt khác, không ít kết luận của cuốn sách này đi ngược lại niềm tin bấy lâu của học giới Việt Nam về tính chất bản địa của một số truyện kể, do đó kết quả nghiên cứu của chuyên luận trở thành sự “khêu khích” học thuật, đòi hỏi các nhà nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán ở Việt Nam thực hiện các đối thoại tương xứng. Quan điểm xuyên suốt của chuyên luận này là phân tích sự hình thành và vận động của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam đặt trong quan hệ với văn học cổ đại Trung Quốc. Trên tổng thể, chuyên luận được viết trên quan điểm so sánh văn học. Tác giả đã nỗ lực để khách quan hóa kết quả so sánh của mình bằng các phương pháp thuộc nhóm thực chứng như: khảo cứu thư tịch, đối sánh văn bản, nghiên cứu ngữ cảnh văn hóa. Ngoài ra, quan điểm của trường phái so sánh biến dị cũng được vận dụng, nhằm giải thích cho sự thay đổi của một văn bản văn học Trung Quốc ở Việt Nam. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu thể hiện trong chuyên luận này ít nhiều được biết đến trong học giới Trung Quốc nhưng lại ít quen thuộc trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam – một không gian học thuật vốn thiên về diễn giải hơn là khảo chứng. Do đó, chuyên luận mở ra một hướng nghiên cứu đáng tham khảo cho các nhà nghiên cứu Việt Nam trong nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Li Zh.F, Pang. X.Y, (2023), *Sự ra đời và phát triển của tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam, thế kỷ 14 đến thế kỷ 19*, Nxb Đại học sư phạm Quảng Tây, Trung Quốc.
2. Nguyễn Đăng Na, (2006), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Xia.L, (2019), *Tình hình nghiên cứu văn học Việt Nam tại Trung Quốc thế kỷ XXI, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay, 2019*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Yan.Sh.D, (2011), *Nghiên cứu văn học so sánh và “biến dị thể” văn hóa*, Nxb Đại học Phục Đán, Trung Quốc.
5. Zhu.J, (2013), *Nghiên cứu tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam trong phạm vi tri thức tư tưởng Nho gia*, Luận án tiến sĩ Đại học sư phạm Thượng Hải, Trung Quốc.
6. Zhu.L, (2016), *Dân tộc ý thức chữ Việt Nam Hán văn tiểu thuyết*, Vũ Hán: Luận án tiến sĩ Trường Đại học sư phạm Hoa Trung, Vũ Hán, Trung Quốc.